

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÓM TẮT
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÓM TẮT
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày tháng năm 2025
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày tháng năm 2025
**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
CHỦ TỊCH**

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÓM TẮT
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày tháng năm 2025

**PHÂN VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP
PHÂN VIỆN TRƯỞNG**

MỤC LỤC

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CHỦ YẾU	2
1.1 Các quy định chung:.....	2
1.2. Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	2
II. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	3
2.1. Xác định diện tích các loại đất	3
2.1.1. Nhu cầu sử dụng đất trong KHSDĐ năm trước chuyển tiếp.....	3
2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất đăng ký mới.....	7
2.1.3. Tổng hợp, cân đối chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2025.....	10
2.2. Kế hoạch thu hồi đất trong năm kế hoạch.....	12
2.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	13

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CHỦ YẾU

1.1 Các quy định chung:

- Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013;
- Luật Đất đai năm 2024 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

1.2. Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 – 2025;
- Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;
- Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
- Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt quy hoạch cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;
- Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
- Quyết định số 6505/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Dự án “Quy hoạch phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân D Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của Quận 12;

- Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh;

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch đầu tư công năm 2023;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương;

- Quyết định số 5975/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao kế hoạch đầu tư công năm 2024;

- Công văn số 7698/VP-ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

- Quyết định số 872 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 12;

- Số liệu Thống kê đất đai năm 2023;

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024;

- Nhu cầu sử dụng đất năm 2025 của các Sở, Ban, Ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn; Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến lập kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

II. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Xác định diện tích các loại đất

2.1.1. Nhu cầu sử dụng đất trong KHSDĐ năm trước chuyển tiếp

Số công trình chuyển tiếp sang KHSDĐ năm 2025 là 13 công trình, dự án, bao gồm:

Bảng 1: Danh mục các công trình chuyển tiếp

STT	Tên công trình,dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Các công trình, dự án cần thu hồi đất						
1	Xây dựng hệ thống thoát nước Quốc lộ 1A (Đoạn từ đường Lê Thị Riêng đến Ngã tư ga), Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	Ban QLDA đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	3,74	0,2	Một phần thửa 94,96,97,98,99 tờ số 67; 11 tờ 44; 139 tờ 38 Thới An Một phần thửa 1 tờ số 72; tờ 3273; 45 tờ 63; 96 tờ 62; 15 tờ 75; 81,82 tờ 58 Thạnh Xuân Một phần thửa 54 tờ số 32 Thạnh Lộc	Thới An, Thạnh Xuân, Thạnh Lộc	__NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của HĐND TP về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công. __QĐ số 5078/QĐ -SGTVT của Sở GTVT TP ngày 30/10/2015 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước QL1A (Lê thị Riêng - Ngã tư ga); __QĐ số 1042/QĐ-SXD-HTKT ngày 15/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; __QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương . __NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
2	Xây dựng mớiTrường Tiểu học Thới An	Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận 12 Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	0,63	0,63	Thửa số 3,4,5,12 tờ 30	Thới An	__NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của HĐND TP về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công. __QĐ số 1441/QĐ-SXD-TĐDA ngày 28/10/2016 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới Trường TH Thới An __QĐ số 1671/QĐ-SXD-TĐDA ngày 19/9/2022 của Sở Xây dựng về điều chỉnh dự án Xây dựng mới trường Tiểu học Thới An, Quận 12; __QĐ số 7596/QĐ-UBND-ĐT ngày 04/12/2019 của UBND Quận 12 về điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới trường Tiểu học Thới An, Quận 12; __QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. __NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
3	Xây dựng hệ thống thoát nước kênh Gia Định, Quận 12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	0,70	0,2	Thửa 1,10,11 tờ 4; Thửa 307,314,315;377;383 tờ 5; Thửa 138,140,142,144,146,147,149,150,151,152,153, 157,158,252,253,254,255,256,257,258,259,260, 262,427,731,422 tờ 6; Thửa 62,63,64,65,66,67,68,69 ,70,71,72,73,74,75,76,77,78,79,80,81,82,83,84, 85,86,87,88,89,90,91,97 ,98,206 tờ 9; Thửa 119,120,121,122,125,140,660,142,143,144,145, 146,155,149,157,156 tờ 10	Trung Mỹ Tây	__NQ số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 về cho ý kiến và QĐ chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách TP; __QĐ số 3575/QĐ-SGTVT ngày 20/7/2017 của Sở GTVT về phê duyệt dự án đầu tư. __QĐ số 6821/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND TP về thông qua chủ trương đầu tư công nhóm C; __NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. __QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Thới Nhất 08, Quận 12	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	2,36	2,36	Thửa 1,2,3,4,54,55,58,79,80,81,85,86,90,91,92,95,96,98,99,101,106,107,108,109,110 từ 35; thửa 15,16,17,18,19,21,22,23,24,30,31,49,50,51,52,53,92 từ 35; thửa 56,57 từ 36; thửa 5,6,7,8,9,14,15,16,17,18,21,22,23,24,25,26,27,33,34,35,36,37,45 từ 39; thửa 1,2,3,13,14,22,23,79,80,108,129,130 từ 40; thửa 8,9,10,11,12,13,35,55,56,57,58,59,62,71 từ 41	Tân Thới Nhất	__NQ số 12/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND TP về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công; __QĐ số 6154/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2018 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường Tân Thới Nhất 08. __QĐ số 822/QĐ-SGTVT ngày 08/7/2022 về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường Tân Thới Nhất 08. __QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. __NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
5	Xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (kết nối tỉnh Long An qua sông chợ Đệm và tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai qua sông Sài Gòn)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	15,39	10,04	Tờ 42, 43, 44, 69, 70, 46, 48, 49, 53, 64, 57, 60, 61, 62 thửa 45, 47, 48, 51, 74, 85, 93, 99, 100, 112, 117, 118, 119, 120, 125, 126, 130, 131, 132, 133, 134, 113, 116, 122, 124, 125, 126, 127, 128, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 137, 43, 44, 66, 67, 70, 74, 76, 77, 19, 20, 28, 29, 30, 31, 1, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 72, 73, 97, 99, 102, 42, 44, 1, 40, 41, 101, 102, 116, 1, 2, 39, 90, 100, 26, 62, 63, 64, 124, 125, 125, 127, 51, 52, 68, 80, 81, 82, 83, 91, 92, 113, 114, 117, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 134, 135, 136	Thới An, Thạnh Xuân, Thạnh Lộc, An Phú Đông	__NQ số 29/NQ-HĐND TP ngày 08/7/2022 của HĐND TP về thống nhất chủ trương đầu tư dự án; __NQ số 72/NQ-HĐND TP ngày 12/7/2023 của HĐND TP về thống nhất một số nội dung thay đổi trong hồ sơ trình chủ trương đầu tư dự án; __QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
6	Lắp đặt tuyến ống cấp 1 đường Xuyên Á - Tô ngọc Vân (từ Lê Văn Khương đến Kha Vạn Cân)	Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên	0,12	0,06	Tờ 44 phường Thới An, Tờ 68,72,73,75 phường Thạnh Xuân; Tờ 37, 36, 35 phường Thạnh Lộc; Tờ 6 phường An Phú Đông	Thới AN; Thạnh Xuân; Thạnh Lộc; An Phú Đông	VB số 2776/UBND-THKH ngày 06/6/2016 của UBND TP về các dự án phát triển mạng cấp 1 tiếp nhận nước từ Nhà máy nước Thủ Đức 3, Thủ Đức 4, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3 của Tổng Cty cấp nước Sài Gòn; __QĐ số 1829/QĐ-UBND ngày 5/5/2018 về phê duyệt danh mục dự án tham gia chương trình kích cầu đầu tư của TP; __QĐ số 1088/QĐ-TCT-KHĐT ngày 25/7/2017 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán các gói thầu; __QĐ số 1761/QĐ-TCT-KHĐT ngày 2/11/2017 về phê duyệt điều chỉnh nguồn gốc vốn các gói thầu __QĐ số 568/QĐ-TCT-KHĐT ngày 19/10/2020 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc điều chỉnh phân chia giai đoạn, thời gian thực hiện dự án và KH lựa chọn nhà thầu __NQ số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND TP về thông qua danh mục thu hồi đất __Vốn Nhà nước ngoài đầu tư công. __NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
B	Các công trình, dự án cho thuê đất, chuyển mục đích SDD						
7	Trường THPT Đông Hưng Thuận (Khu Quán Tre)	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	1,99		Thửa 1, tờ 17	Đông Hưng Thuận	_NQ số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 về cho ý kiến và QĐ chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách TP; _QĐ số 1420/QĐ-SXD-TĐDA ngày 28/10/2016 về phê duyệt dự án xây dựng Trường THPT Đông Hưng Thuận (Khu Quán Tre); _QĐ số 7379/QĐ-UBND-ĐT ngày 22/11/2019 về phê duyệt phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng Xây dựng mới Trung học phổ thông Đông Hưng Thuận. _Quyết định số 2433/QĐ-SXD-TĐDA ngày 19/12/2022 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Đông Hưng Thuận; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
8	Công viên Tân Chánh Hiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	1,69		Tờ 9; thửa 01	Tân Chánh Hiệp	_QĐ số 3956/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư dự án; _QĐ số 693/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 về việc xác định diện tích đất thuộc quỹ đất công ích, đất thuộc phường Tân Chánh Hiệp; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
9	Công viên Thanh Lộc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	3,37		Tờ 15; thửa 33	Thanh Lộc	_QĐ số 3984/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư dự án; _QĐ số 3649/QĐ-UBND ngày 25/7/2005 của UBND TP về thu hồi đất tại phường Thanh Lộc; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
10	Dự án khu nhà ở Thới An Luxury City	Công ty TNHH Xây dựng kinh doanh phát triển nhà Sang Anh	7,12		Thửa số 91, 92, 103 => 107, đường mương (tờ 26); Thửa số 155, 159, 165 => 170, 179, 180, 182, 185 => 195, đường, mương (tờ 27); Thửa số 1, 5, 6, đường, mương (tờ 37)	Thới An	_Quyết định 4556/SXD-PTĐT ngày 29/4/2020 của Sở xây dựng về quyết định chủ trương đầu tư dự án khu nhà ở phường Thới An _CV số 3869/STNMT-QLĐ ngày 21/5/2020 của Sở Tài nguyên và MT về chủ trương đầu tư khu nhà ở Thới An _CV 908/BTL-TM ngày 2/11/2020 của Bộ tư lệnh QK7 về mặt QP chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở tại phường Thới An _CV 710/BTL-TM ngày 14/4/2020 của Bộ tư lệnh TPHCM về góp ý hồ sơ đề nghị Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở
11	Chung cư Đạt Gia	Công ty TNHH tư vấn và kinh doanh nhà Đạt Gia	1,07		Thửa 83,84,85,86,110,176,209,210,211 tờ số 27 ; thửa33,34,35,37,62,63 tờ số 26	Thới An	_QĐ số 4769/UBND-ĐT ngày 1/8/2017 của UBND TP về chấp thuận chủ trương đầu tư cả công nhận công ty TNHH tư vấn và kinh doanh nhà Đạt Gia làm chủ đầu tư dự án _QĐ 5342/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND TP về chấp thuận đầu tư dự án _Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội Đồng Nhân Dân về thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích lúa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh _QĐ số 5860/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND Thành phố về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư.

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
12	Khu nhà ở phường Thới An	Công ty TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ NGỌC VIỆT (tên cũ là Công ty TNHH Jia Yuan TT Việt Nam)	2,11		Tờ 44 thửa 10, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 510	Thới An	VB số 3367/STNMT-QLĐ ngày 4/5/2022 của Sở TNMT về đề nghị chấp thuận cho công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất NN để thực hiện dự án PNN; CV số 4303/UBND-ĐT ngày 30/7/2024 của UBND Thành phố về chấp thuận cho Công ty TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ NGỌC VIỆT nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp trên địa bàn phường THỚI AN, Quận 12.
13	Trạm biến áp 110kV An Phú Đông (Tân Chánh Hiệp) và đường dây đầu nối.	Tổng Công ty Điện lực TP.HCM.	0,15		Thửa 8,34 tờ 8	Tân Chánh Hiệp	QĐ 4690/QĐ-BCT của Bộ công thương ngày 15/2/2017 về phê duyệt hợp phần 1: Quy hoạch hệ thống điện 110kV của quy hoạch phát triển điện lực Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035

2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất đăng ký mới

Số công trình đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 gồm 11 công trình, dự án (gồm 5 công trình dự án thu hồi đất và 6 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất).

Bảng 2: Các dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Lô đất số 22	Công ty TNHH phát triển Công viên phần mềm Quang Trung	0,36		Lô 22- Bản đồ HTVT số 114691/ĐĐB Đ-VPTT do trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 26/11/2012	Tân Chánh Hiệp	_VB Số 40/CNS-HĐTV ngày 05/03/2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án " tòa nhà văn phòng và trung tâm dữ liệu QTSC" _VB Số 59/CNS-HĐTV ngày 18/04/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án "tòa nhà văn phòng và trung tâm dữ liệu QTSC" _VB Số 438/QTSC-HTCSKH ngày 10/10/2024 về việc đăng ký sử dụng đất năm 2025
2	Lô đất số 43	Công ty TNHH phát triển Công viên phần mềm Quang Trung	0,92		Lô 43- Bản đồ HTVT số 0912/HĐDVTV/2024 do Cty TNHH Địa tin học lập ngày 10/12/2024	Tân Chánh Hiệp	_VB Số 438/QTSC-HTCSKH ngày 10/10/2024 về việc đăng ký sử dụng đất năm 2025. _Hiện Công ty TNHH TLD Hi-tech đang nộp hồ sơ để xin chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận nhà đầu tư.
3	Khu nhà ở phường Thạnh Xuân	Công ty cổ phần đầu tư BĐS Vạn Xuân Bình Dương	0,83 18		Thửa 586 tờ 56; 700 tờ 53	Thạnh Xuân	_Đơn đăng ký KHSDD 2025; _GCN số CS22920 ngày 29/3/2023 và số CH08491 ngày 05/3/2015 đứng tên Công ty cổ phần đầu tư BĐS Vạn Xuân Bình Dương
4	Khu nhà ở Đông Quang (Dong Qung Town)	Công ty CP Dệt Kim Đông Quang	1,43		BĐ HTVT số 107551/TTĐ ĐĐĐ- CNHM do TT Đo đạc bản đồ - STNMT lập ngày 25/5/2023	Hiệp Thành	_Đơn đăng ký KHSDD số 07/2024/CV-ĐQ ngày 10/7/2024; _QĐ số 2047/UBND-ĐT ngày 11/6/2024 của UBND TP về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi	Số Thửa, tờ		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Khu nhà ở Sài Gòn- Thới An, phường Thới An, Quận 12	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9	2,26		Bản đồ Hiện trạng vị trí theo hợp đồng số 149/2016/HĐ-KĐTV do TT kiểm định bản đồ và Tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 14/8/2017 (trừ các thửa 2-3,5,6,7-3,7-4,9)	Thới An	_Đơn đăng kí KHSĐĐ số 29/ĐĐK-SG9-2024 ngày 10/7/2024; _Tờ trình số 20239/TTr-SXD-PTĐT ngày 26/12/20117 của Sở xây dựng về đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận chủ đầu tư; _VB công nhận chủ đầu tư số 1443/UBND-ĐT ngày 10/4/2018 của UBND thành phố.
6	Xây dựng Cầu bắt qua rạch Bến Cát và tuyến đường dự phòng	Công ty TNHH MTV đầu tư Gia Cư	0,81	0,39	Thửa 206,207,209,210,211,214 tờ số 65, phường Thạnh Xuân Thửa 12 tờ số 28, phường Thới An	Thạnh Xuân, Thới An	_Đơn đăng kí số 167/2024/CV-GC ngày 9 tháng 8 năm 2024 _VB 2786/UBND-DA của UBND TP ngày 25/6/2018 về chấp thuận cho doanh nghiệp đầu tư
7	Nâng cấp, gia cố cấp bách hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn (từ rạch Tra đến sông Vàm Thuật) trên địa bàn huyện Hóc Môn và Quận 12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh	0,86	0,86	Tờ 01	Phường Thạnh Lộc	_NQ số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, gia cố cấp bách hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn (từ rạch Tra đến sông Vàm Thuật) trên địa bàn huyện Hóc Môn và Quận 12; _QĐ số 339/QĐ-SNN ngày 26/7/2024 về phê duyệt dự án Nâng cấp, gia cố cấp bách hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn (từ rạch Tra đến sông Vàm Thuật) trên địa bàn huyện Hóc Môn và Quận 12; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. _NQ số 28/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi để phát triển kinh tế -xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
8	Nhà ở xã hội Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an Thành phố Hồ Chí Minh	công ty cổ phần đầu tư Phú Cường	1,10		Thửa 413 tờ số 51 và thửa 304, 305 tờ số 57	Đông Hưng Thuận	_Công văn số 9956/UBND-DT ngày 28/12/2016 của UBND Quận 12 về việc thỏa thuận quy hoạch tổng mặt bằng-phương án kiến trúc công trình tỷ lệ 1/500 dự án khu nhà ở cán bộ chiến sỹ công an thành phố tại phường Đông Hưng Thuận, Quận 12. _Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 28/07/2017 của UBND thành phố về công nhận chủ đầu tư và chấp thuận đầu tư dự án khu nhà ở Cán bộ, chiến sỹ Công an thành phố Hồ Chí Minh tại 20/2 Nguyễn Văn Qúa, P.Đông Hưng Thuận, _Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, 2022. _Công văn số 1325/BCA-H02 ngày 09/04/2025 của Bộ Công An về việc lấy ý kiến với phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất của Bộ Công an tại số 20/2 Nguyễn Văn Qúa, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. _Công văn số 1410/BCA-H02 ngày 17/04/2025 của Bộ Công An về việc đẩy nhanh tiến độ thủ tục để khởi công một số dự án nhà ở lực lượng vũ trang cho Công an nhân dân trong năm 2025. _Công văn số 3062/UBND-KT ngày 03/05/2025 của UBND Thành phố về phương án xử lý đối với 02 khu đất số 20/2 Nguyễn Văn Qúa, P.Đông Hưng Thuận, Quận 12 và số 7/39 ấp Cây Dầu, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức. _Công văn số 39/CV/PC/2025 ngày 18/4/2025 của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phú Cường về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất đối với dự án NOXH khu nhà ở CBCS Công an TP.HCM tại 20/2 Nguyễn Văn Qúa, P.Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM.

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Mở rộng, nâng cấp đường HL80B (đoạn từ Nguyễn Ảnh Thủ đến Lê Văn Khương)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	3,88	1,69	MPT tờ số 1,2, 14,15,35,34,16,13,12	Hiệp Thành	_NQ số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 của HĐND TP về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; _QĐ số 5266/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019 của Sở GTVT về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Mở rộng, nâng cấp đường HL80B (đoạn từ Nguyễn Ảnh Thủ đến Lê Văn Khương); _NQ số 85/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa. _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. _QĐ số 1523/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2024 của Sở GTVT về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án (từ 2018-2027) _NQ số 28/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
10	Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Thạm Lương - Bến cát (Crus)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	2,34	0,62	Tờ bản đồ 61, phường An Phú Đông, thửa 61, 62, 65, 66, 127	An Phú Đông	_NQ số 29/NQ-HĐND TP ngày 08/7/2022 của HĐND TP về thống nhất chủ trương đầu tư dự án; _NQ số 72/NQ-HĐND TP ngày 12/7/2023 của HĐND TP về thống nhất một số nội dung thay đổi trong hồ sơ trình chủ trương đầu tư dự án; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
11	Nạo vét, kiên cố hóa bờ bao rạch Đá Hàn (từ Cầu sắt sập đến Quốc lộ 1)	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	26	7,76	Thửa 10,20,21,50,51,52,53,54,55,56,57 tờ bản đồ 24; Thửa 1,2,3,4,5,6,7,28,12,13,27,29,30,31,32,44,45,73,72,71,74,75,76,77,78,79,80,81,82,86 tờ bản đồ số 25; Thửa 23,24,25,9006,46,49,114,50,51,52,53,76,77,78,79,80,81,82 tờ bản đồ 26; Thửa 9002 tờ bản đồ 37; Thửa 12,50,51,137,138,139 tờ bản đồ 38 Phường Thới An Thửa 92,121,120,119,118,99,100,101,102,122,103 tờ bản đồ 28 Thửa 1,2,55,56,75,82,83,85,118,119,120,121,162 tờ số 38 Thửa 5,6,4,3,2,1,31,32,33,35,107,36,108,37,109,68,110,111,112,69,92,99,100 thờ bản đồ 39 Thửa 48,49,105,157,170,171,172,192,210,209,212,214,221,222,22	Thới An Thạnh Xuân	_QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; _QĐ số 252/QĐ-SNNMT-QLĐT ngày 08/05/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt dự án nạo vét, kiên cố hóa bờ bao rạch Đá Hàn (cầu Sắt sập đến quốc lộ 1A), Quận 12; _VB số 1060/QLDA ngày 20/05/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực về việc đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đối với dự án nạo vét, kiên cố hóa bờ bao rạch Đá Hàn

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
					3,224,225,226 tờ bản đồ 65 Thửa 81,80,79,82,83,163 tờ bản đồ 66 Thửa 99 tờ bản đồ 67		

2.1.3. Tổng hợp, cân đối chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2025

Nhu cầu trong KHSDĐ năm 2025 có 24 công trình, dự án.

Trên cơ sở chuyển tiếp các chỉ tiêu sử dụng đất có tính khả thi trong kế hoạch sử dụng đất 2024 chuyển tiếp qua và nhu cầu sử dụng đất các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại địa phương trong kỳ kế hoạch sử dụng đất 2025. Tổng hợp, cân đối điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất của Quận 12 như sau:

Bảng 3: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 Quận 12

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		5.273,93	100,00	5.273,93	100,00	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.132,24	21,47	1.078,46	20,45	-53,78
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-
	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	-	-	-	-	-
	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	<i>LUK</i>	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.113,23	21,11	1.061,14	20,12	-52,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	19,01	0,36	17,32	0,33	-1,69
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.141,69	78,53	4.195,47	79,55	53,78
	Trong đó:						
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.399,45	45,50	2.407,14	45,64	7,69
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,06	0,32	17,02	0,32	-0,04
2.4	Đất quốc phòng	CQP	111,01	2,10	111,01	2,10	-
2.5	Đất an ninh	CAN	5,48	0,10	5,48	0,10	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	227,03	4,30	226,09	4,29	-0,94

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)
	Trong đó:						
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	38,22	0,72	36,23	0,69	-1,99
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1,34	0,03	1,34	0,03	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,77	0,07	3,77	0,07	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	97,21	1,84	99,83	1,89	2,62
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	9,48	0,18	7,91	0,15	-1,57
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	66,83	1,27	66,83	1,27	-
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	10,19	0,19	10,19	0,19	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	330,48	6,27	328,23	6,22	-2,25
	Trong đó:						
-	Đất khu công nghiệp	SKK	28,00	0,53	28,00	0,53	-
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	27,24	0,52	27,24	0,52	-
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	275,25	5,22	272,99	5,18	-2,25
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	805,94	15,28	860,42	16,31	54,48
	Trong đó:						
-	Đất công trình giao thông	DGT	625,35	11,86	641,31	12,16	15,96
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	150,82	2,86	151,25	2,87	0,43
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	6,19	0,12	6,19
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	26,70	0,51	26,70
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,06	0,00	0,06	0,00	-
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,43	0,01	0,43	0,01	-
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	5,82	0,11	5,97	0,11	0,15

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,09	0,00	0,09	0,00	-
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,70	0,07	3,70	0,07	-
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	19,67	0,37	24,72	0,47	5,05
2.9	Đất tôn giáo	TON	15,70	0,30	15,70	0,30	-
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	5,98	0,11	5,98	0,11	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	31,39	0,60	31,26	0,59	-0,13
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	190,90	3,62	185,87	3,52	-5,03
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	190,90	3,62	185,87	3,52	-5,03
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,27	0,02	1,27	0,02	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	-	-	-	-	-
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-	-	-	-
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-	-
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-

2.2. Kế hoạch thu hồi đất trong năm kế hoạch

Diện tích đất phải thu hồi trong năm 2025 để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (theo quy định tại Điều 78, 79 của Luật Đất đai 2024) trên địa bàn Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh là 24,61 ha. Cụ thể:

Bảng 1: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025

Đơn vị tính: ha			
STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	20,06
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	20,06
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4,55
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	4,55
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-

Tổng diện tích đất phải thu hồi trong năm 2025 để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Thu hồi đất nông nghiệp: 20,06ha thuộc đất trồng cây hàng năm;

Đất phi nông nghiệp: 4,55ha thuộc đất ở tại đô thị.

2.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Tổng diện tích đất nông nghiệp cần chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch 2025 là 53,78ha, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 52,09 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,69 ha;

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 2,37 ha

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích phải xin phép trong năm 2025 theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai 2024 như sau:

Bảng 2: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	53,78
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	52,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,69
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		2,37
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật Đất đai	MHT/PNC	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OCT	2,37
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-

BẢNG BIỂU

Ký hiệu biểu	Tên biểu
Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 của quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Biểu 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Biểu 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Biểu 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BIỂU 01/CH

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		5,273.93	100.00	875.34	255.95	543.66	421.82	180.57	261.87	389.83	583.99	971.08	518.74	271.08
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1,132.24	21.47	179.06	19.01	80.06	82.09	9.60	23.21	51.76	96.55	438.62	147.96	4.33
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1,113.23	21.11	176.48	19.01	67.32	79.50	9.60	23.21	51.16	96.55	438.55	147.96	3.91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	19.01	0.36	2.59	-	12.74	2.59	-	-	0.59	-	0.08	-	0.42
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4,141.69	78.53	696.28	236.94	463.60	339.73	170.97	238.66	338.07	487.44	532.46	370.79	266.75
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2,399.45	45.50	417.27	132.12	267.29	178.63	107.87	157.84	174.32	311.74	348.60	208.31	95.47
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17.06	0.32	0.68	2.32	1.26	1.84	0.36	1.74	1.26	0.99	1.14	4.32	1.16
2.4	Đất quốc phòng	CQP	111.01	2.10	-	-	18.57	7.64	3.28	-	-	-	-	-	81.52
2.5	Đất an ninh	CAN	5.48	0.10	0.49	1.04	-	-	-	2.69	0.27	-	-	0.26	0.73
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	227.03	4.30	5.38	32.13	16.98	85.31	3.40	5.49	9.38	16.86	6.51	14.32	31.27
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	38.22	0.72	2.62	29.67	0.92	0.88	0.03	1.18	-	0.41	0.50	-	2.01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1.34	0.03	-	-	-	-	-	-	-	-	1.34	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3.77	0.07	0.10	-	0.78	1.79	0.54	0.03	0.16	0.15	0.12	0.09	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	97.21	1.84	2.66	2.46	9.73	32.86	2.83	4.27	8.14	8.87	4.06	13.92	7.40
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	9.48	0.18	-	-	5.07	-	-	-	-	3.93	0.26	0.21	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	66.83	1.27	-	-	-	43.88	-	-	1.08	-	-	-	21.86
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
			-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	10.19	0.19	-	-	0.47	5.89	-	-	-	3.50	0.24	0.09	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	330.48	6.27	57.56	15.90	78.72	7.83	2.23	14.59	84.72	8.16	6.17	38.94	15.66
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	28.00	0.53	-	-	28.00	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	27.24	0.52	1.09	0.76	3.43	1.38	0.55	5.03	1.89	3.07	-	0.92	9.13
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	275.25	5.22	56.47	15.14	47.29	6.45	1.68	9.56	82.83	5.09	6.17	38.03	6.53
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	805.94	15.28	108.40	50.95	72.39	52.13	50.49	48.63	56.62	99.80	150.55	76.22	39.77
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	625.35	11.86	72.77	41.78	65.72	49.45	43.65	39.16	54.56	64.58	89.57	66.38	37.73
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	150.82	2.86	31.93	7.08	5.28	1.37	0.00	3.86	0.04	33.73	60.12	7.39	0.01
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0.06	0.00	-	-	-	-	-	-	0.06	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0.43	0.01	0.30	-	-	-	-	-	-	-	0.13	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	5.82	0.11	0.08	-	-	0.03	-	5.31	0.07	0.29	0.01	0.02	0.02
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0.09	0.00	-	-	-	0.01	-	-	-	0.08	-	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3.70	0.07	-	0.17	0.28	0.95	0.91	-	0.08	0.85	0.39	0.07	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	19.67	0.37	3.33	1.91	1.12	0.32	5.92	0.30	1.81	0.27	0.33	2.34	2.02
2.9	Đất tôn giáo	TON	15.70	0.30	2.21	0.86	1.97	0.32	1.25	1.21	3.03	2.16	1.30	1.16	0.23
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	5.98	0.11	0.75	0.30	0.02	0.77	0.28	0.57	0.49	0.59	1.78	0.15	0.28
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	31.39	0.60	0.06	1.30	6.40	5.27	1.60	5.90	3.90	0.44	1.05	4.79	0.66
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	190.90	3.62	103.48	0.02	-	-	-	-	4.08	46.70	15.36	21.26	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	190.90	3.62	103.48	0.02	-	-	-	-	4.08	46.70	15.36	21.26	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1.27	0.02	-	-	-	-	0.22	-	-	-	-	1.05	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó:														
	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Phân theo đơn vị hành chính										
					An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: Đất khu công nghệ cao không cộng vào diện tích tự nhiên

BIỂU 25/CH

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Xây dựng hệ thống thoát nước Quốc lộ 1A (Đoạn từ đường Lê Thị Riêng đến Ngã tư ga), Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	Ban QLDA đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	3.735	0.2	Một phần thửa 94,96,97,98,99 tờ số 67; 11 tờ 44; 139 tờ 38 Thới An Một phần thửa 1 tờ số 72; tờ 3273; 45 tờ 63; 96 tờ 62; 15 tờ 75; 81,82 tờ 58 Thanh Xuân Một phần thửa 54 tờ số 32 Thanh Lộc	Thới An, Thanh Xuân, Thanh Lộc	<u>NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của HĐND TP về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công.</u> <u>QĐ số 5078/QĐ -SGTVT của Sở GTVT TP ngày 30/10/2015 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước QL1A (Lê thị Riêng - Ngã tư ga);</u> <u>QĐ số 1042/QĐ-SXD-HTKT ngày 15/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án;</u> <u>QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương .</u> <u>NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.</u>
2	Xây dựng mới Trường Tiểu học Thới An	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	0.63	0.63	Thửa số 3,4,5,12 tờ 30	Thới An	<u>NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của HĐND TP về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công.</u> <u>QĐ số 1441/QĐ-SXD-TĐDA ngày 28/10/2016 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới Trường TH Thới An</u> <u>QĐ số 1671/QĐ-SXD-TĐDA ngày 19/9/2022 của Sở Xây dựng về điều chỉnh dự án Xây dựng mới trường Tiểu học Thới An, Quận 12;</u> <u>QĐ số 7596/QĐ-UBND-ĐT ngày 04/12/2019 của UBND Quận 12 về điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới trường Tiểu học Thới An, Quận 12;</u> <u>QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.</u> <u>NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.</u>

STT	Tên công trình,dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Xây dựng hệ thống thoát nước kênh Gia Định, Quận 12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	0.7031	0.2	Thửa 1,10,11 tờ 4; Thửa 307,314,315;377;383 tờ 5; Thửa 138,140,142,144,146,147,149,150,151,152,153,157,158,252,253,254,255,256,257,258,259,260,262,427,731,422 tờ 6; Thửa 62,63,64,65,66,67,68,69,70,71,72,73,74,75,76,77,78,79,80,81,82,83,84,85,86,87,88,89,90,91,97,98,206 tờ 9; Thửa 119,120,121,122,125,140,660,142,143,144,145,146,155,149,157,156 tờ 10	Trung Mỹ Tây	_NQ số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 về cho ý kiến và QĐ chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách TP; _QĐ số 3575/QĐ-SGTVT ngày 20/7/2017 của Sở GTVT về phê duyệt dự án đầu tư. _QĐ số 6821/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND TP về thông qua chủ trương đầu tư công nhóm C; _NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
4	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Thới Nhất 08, Quận 12	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	2.3634	2.3634	Thửa 1,2,3,4,54,55,58,79,80,81,85,86,90,91,92,95,96,98,99,101,106,107,108,109,110 tờ 35; thửa 15,16,17,18,19,21,22,23,24,30,31,49,50,51,52,53,92 tờ 35; thửa 56,57 tờ 36; thửa 5,6,7,8,9,14,15,16,17,18,21,22,23,24,25,26,27,33,34,35,36,37,45 tờ 39; thửa 1,2,3,13,14,22,23,79,80,108,129,130 tờ 40; thửa 8,9,10,11,12,13,35,55,56,57,58,59,62,71 tờ 41	Tân Thới Nhất	_NQ số 12/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của HĐND TP về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công; _QĐ số 6154/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2018 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường Tân Thới Nhất 08. _QĐ số 822/QĐ-SGTVT ngày 08/7/2022 về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường Tân Thới Nhất 08. _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. _NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi	Số Thửa, tờ		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (kết nối tỉnh Long An qua sông chợ Đệm và tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai qua sông Sài Gòn)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	15.39	10.04	Tờ 42, 43, 44, 69, 70, 46, 48, 49, 53, 64, 57, 60, 61, 62 thửa 45, 47, 48, 51, 74, 85, 93, 99, 100, 112, 117, 118, 119, 120, 125, 126, 130, 131, 132, 133, 134, 113, 116, 122, 124, 125, 126, 127, 128, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 137, 43, 44, 66, 67, 70, 74, 76, 77, 19, 20, 28, 29, 30, 31, 1, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 72, 73, 97, 99, 102, 42, 44, 1, 40, 41, 101, 102, 116, 1, 2, 39, 90, 100, 26, 62, 63, 64, 124, 125, 125, 127, 51, 52, 68, 80, 81, 82, 83, 91, 92, 113, 114, 117, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 134, 135, 136	Thới An, Thạnh Xuân, Thạnh Lộc, An Phú Đông	_NQ số 29/NQ-HĐND TP ngày 08/7/2022 của HĐND TP về thống nhất chủ trương đầu tư dự án; _NQ số 72/NQ-HĐND TP ngày 12/7/2023 của HĐND TP về thống nhất một số nội dung thay đổi trong hồ sơ trình chủ trương đầu tư dự án; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
6	Trường THPT Đông Hưng Thuận (Khu Quán Tre)	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	1.99		Thửa 1, tờ 17	Đông Hưng Thuận	_NQ số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 về cho ý kiến và QĐ chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách TP; _QĐ số 1420/QĐ-SXD-TĐDA ngày 28/10/2016 về phê duyệt dự án xây dựng Trường THPT Đông Hưng Thuận (Khu Quán Tre); _QĐ số 7379/QĐ-UBND-ĐT ngày 22/11/2019 về phê duyệt phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng Xây dựng mới Trung học phổ thông Đông Hưng Thuận. _Quyết định số 2433/QĐ-SXD-TĐDA ngày 19/12/2022 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Đông Hưng Thuận; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
7	Công viên Tân Chánh Hiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	1.69		Tờ 9; thửa 01	Tân Chánh Hiệp	QĐ số 3956/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư dự án; QĐ số 693/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 về việc xác định diện tích đất thuộc quỹ đất công ích, đất thuộc phường Tân Chánh Hiệp; QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
8	Công viên Thạnh Lộc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	3.37		Tờ 15; thửa 33	Thạnh Lộc	QĐ số 3984/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư dự án; QĐ số 3649/QĐ-UBND ngày 25/7/2005 của UBND TP về thu hồi đất tại phường Thạnh Lộc; QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
9	Nâng cấp, gia cố cấp bách hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn (từ rạch Tra đến sông Vàm Thuật) trên địa bàn huyện Hóc Môn và Quận 12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh	0.86	0.86	Tờ 01	Thạnh Lộc	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, gia cố cấp bách hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn (từ rạch Tra đến sông Vàm Thuật) trên địa bàn huyện Hóc Môn và Quận 12; QĐ số 339/QĐ-SNN ngày 26/7/2024 về phê duyệt dự án Nâng cấp, gia cố cấp bách hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn (từ rạch Tra đến sông Vàm Thuật) trên địa bàn huyện Hóc Môn và Quận 12; QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. NQ số 28/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất		Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi	Số Thửa, tờ	Phường, xã, thị trấn	
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Mở rộng, nâng cấp đường HL80B (đoạn từ Nguyễn Ảnh Thủ đến Lê Văn Khương)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	3.88	1.69	MPT tờ số 1,2, 14,15,35,34,16,13,12	Hiệp Thành	_NQ số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 của HĐND TP về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; _QĐ số 5266/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019 của Sở GTVT về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Mở rộng, nâng cấp đường HL80B (đoạn từ Nguyễn Ảnh Thủ đến Lê Văn Khương); _NQ số 85/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa. _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. _QĐ số 1523/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2024 của Sở GTVT về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án (từ 2018-2027) _NQ số 28/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi để phát triển kinh tế -xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
11	Cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng với biến đổi khí hậu tại lưu vực Tham Lương - Bến cát (CRUS1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị	2,34	0.62	Tờ bản đồ 61, phường An Phú Đông, thửa 61, 62, 65, 66, 127	An Phú Đông	_NQ số 29/NQ-HĐND TP ngày 08/7/2022 của HĐND TP về thống nhất chủ trương đầu tư dự án; _NQ số 72/NQ-HĐND TP ngày 12/7/2023 của HĐND TP về thống nhất một số nội dung thay đổi trong hồ sơ trình chủ trương đầu tư dự án; _QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương

STT	Tên công trình,dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất		Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi	Số Thửa, tờ	Phường, xã, thị trấn	
1	2	3	4	5	6	7	8
12	Nạo vét, kiên cố hóa bờ bao rạch Đá Hàn (từ Cầu sắt sập đến Quốc lộ 1)	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quận 12	26	7.76	Thửa 10,20,21,50,51,52,53,54,55,56,57 tờ bản đồ 24; Thửa 1,2,3,4,5,6,7,28,12,13,27,29,30,31,32,44,45,73,72,71,74,75,76,77,78,79,80,81,82,86 tờ bản đồ số 25; Thửa 23,24,25,9006,46,49,114,50,51,52,53,76,77,78,79,80,81,82 tờ bản đồ 26; Thửa 9002 tờ bản đồ 37; Thửa 12,50,51,137,138,139 tờ bản đồ 38 Phường Thới An Thửa 92,121,120,119,118,99,100,101,102,122,103 tờ bản đồ 28 Thửa 1,2,55,56,75,82,83,85,118,119,120,121,162 tờ số 38 Thửa 5,6,4,3,2,1,31,32,33,35,107,36,108,37,109,68,110,111,112,69,92,99,100 thờ bản đồ 39 Thửa 48,49,105,157,170,171,172,192,210,209,212,214,221,222,223,224,225,226 tờ bản đồ 65 Thửa 81,80,79,82,83,163 tờ bản đồ 66 Thử 99 tờ bản đồ 67	Thới An Thạnh Xuân	_QĐ số 6075/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; _QĐ số 252/QĐ-SNNMT-QLĐT ngày 08/05/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt dự án nạo vét, kiên cố hóa bờ bao rạch Đá Hàn (cầu Sắt sập đến quốc lộ 1A), Quận 12; _VB số 1060/QLDA ngày 20/05/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực về việc đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đối với dự án nạo vét, kiên cố hóa bờ bao rạch Đá Hàn

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Khu nhà ở Thới An Luxury City	Công ty TNHH Xây dựng kinh doanh phát triển nhà Sang Anh	7.1214		Thửa số 91, 92, 103 => 107, đường mương (tờ 26); Thửa số 155, 159, 165 => 170, 179, 180, 182, 185 => 195, đường, mương (tờ 27); Thửa số 1, 5, 6, đường, mương (tờ 37)	Thới An	_Quyết định 4556/SXD-PTĐT ngày 29/4/2020 của Sở xây dựng về quyết định chủ trương đầu tư dự án khu nhà ở phường Thới An; _CV số 3869/STNMT-QLĐ ngày 21/5/2020 của Sở Tài nguyên và MT về chủ trương đầu tư khu nhà ở Thới An; _CV 908/BTL-TM ngày 2/11/2020 của Bộ tư lệnh QK7 về mặt QP chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở tại phường Thới An; _CV 710/BTL-TM ngày 14/4/2020 của Bộ tư lệnh TPHCM về góp ý hồ sơ đề nghị Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở
14	Lắp đặt tuyến ống cấp 1 đường Xuyên Á - Tô ngọc Vân (từ Lê Văn Khương đến Kha Vạn Cân)	Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên	0.116	0.06	Tờ 44 phường Thới An, Tờ 68,72,73,75 phường Thạnh Xuân; Tờ 37, 36, 35 phường Thạnh Lộc; Tờ 6 phường An Phú Đông	Thới An; Thạnh Xuân; Thạnh Lộc; An Phú Đông	_VB số 2776/UBND-THKH ngày 06/6/2016 của UBND TP về các dự án phát triển mạng cấp 1 tiếp nhận nước từ Nhà máy nước Thủ Đức 3, Thủ Đức 4, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3 của Tổng Cty cấp nước Sài Gòn; _QĐ số 1829/QĐ-UBND ngày 5/5/2018 về phê duyệt danh mục dự án tham gia chương trình kích cầu đầu tư của TP; _QĐ số 1088/QĐ-TCT-KHĐT ngày 25/7/2017 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán các gói thầu; _QĐ số 1761/QĐ-TCT-KHĐT ngày 2/11/2017 về phê duyệt điều chỉnh nguồn gốc vốn các gói thầu _QĐ số 568/QĐ-TCT-KHĐT ngày 19/10/2020 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc điều chỉnh phân chia giai đoạn, thời gian thực hiện dự án và KH lựa chọn nhà thầu _NQ số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND TP về thông qua danh mục thu hồi đất _Vốn Nhà nước ngoài đầu tư công. _NQ số 09/NQ-HĐND Ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
15	Chung cư Đạt Gia	Công ty TNHH tư vấn và kinh doanh nhà Đạt Gia	1.07		Thửa 83,84,85,86,110,176,209,210,211 tờ số 27 ; thửa 33,34,35,37,62,63 tờ số 26	Thới An	_QĐ số 4769/UBND-ĐT ngày 1/8/2017 của UBND TP về chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận công ty TNHH tư vấn và kinh doanh nhà Đạt Gia làm chủ đầu tư dự án _QĐ 5342/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND TP về chấp thuận đầu tư dự án _Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội Đồng Nhân Dân về thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích lúa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh _QĐ số 5860/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND Thành phố về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư.
16	Khu nhà ở phường Thới An	Công ty TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ NGỌC VIỆT (tên cũ là Công ty TNHH Jia Yuan TT Việt Nam)	2.11		Tờ 44 thửa 10, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 510	Thới An	VB số 3367/STNMT-QLĐ ngày 4/5/2022 của Sở TNMT về đề nghị chấp thuận cho công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất NN để thực hiện dự án PNN; _CV số 4303/UBND-ĐT ngày 30/7/2024 của UBND Thành phố về chấp thuận cho Công ty TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ NGỌC VIỆT nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp trên địa bàn phường THới An, Quận 12.
17	Trạm biến áp 110kV An Phú Đông (Tân Chánh Hiệp) và đường dây đầu nối.	Tổng Công ty Điện lực TP.HCM.	0.1452		Thửa 8,34 tờ 8	Tân Chánh Hiệp	QĐ 4690/QĐ-BCT của Bộ công thương ngày 15/2/2017 về phê duyệt hợp phần 1: Quy hoạch hệ thống điện 110kV của quy hoạch phát triển điện lực Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất	Phường, xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7	8
18	Lô đất số 22	10	0.36		Lô 22- Bản đồ HTVT số 114691/Đ ĐB Đ-VPTT do trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 26/11/2012	Tân Chánh Hiệp	_VB Số 40/CNS-HĐTV ngày 05/03/2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án " tòa nhà văn phòng và trung tâm dữ liệu QTSC" _VB Số 59/CNS-HĐTV ngày 18/04/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án "tòa nhà văn phòng và trung tâm dữ liệu QTSC" _VB Số 438/QTSC-HTCSKH ngày 10/10/2024 về việc đăng ký sử dụng đất năm 2025
19	Lô đất số 43	Công ty TNHH phát triển Công viên phần mềm Quang Trung	0.92		Lô 43- Bản đồ HTVT số 0912/HĐDVT/2024 do Cty TNHH Địa tin học lập ngày 10/12/2024	Tân Chánh Hiệp	_VB Số 438/QTSC-HTCSKH ngày 10/10/2024 về việc đăng ký sử dụng đất năm 2025. _Hiện Công ty TNHH TLD Hi-tech đang nộp hồ sơ để xin chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận nhà đầu tư.
20	Khu nhà ở phường Thạnh Xuân	Công ty cổ phần đầu tư BĐS Vạn Xuân Bình Dương	0.8318		Thửa 586 tờ 56; 700 tờ 53	Thạnh Xuân	_Đơn đăng ký KHSDD 2025; _GCN số CS22920 ngày 29/3/2023 và số CH08491 ngày 05/3/2015 đứng tên Công ty cổ phần đầu tư BĐS Vạn Xuân Bình Dương
21	Khu nhà ở Đông Quang (Dong QuangTown)	Công ty CP Dệt Kim Đông Quang	1.4325		BĐ HTVT số 107551/TTĐ ĐBĐ-CNHM do TT Đo đạc bản đồ - STNMT lập ngày 25/5/2023	Hiệp Thành	_Đơn đăng kí KHSDD số 07/2024/CV-ĐQ ngày 10/7/2024; _QĐ số 2047/UBND-ĐT ngày 11/6/2024 của UBND TP về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án
22	Khu nhà ở Sài Gòn - Thới An, phường Thới An, Quận 12	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9	2.26		Bản đồ Hiện trạng vị trí theo hợp đồng số 149/2016/HĐ-KĐTV do TT kiểm định bản đồ và Tư vấn tài nguyên môi trường lập ngày 14/8/2017 (trừ các thửa 2-3,5,6,7-3,7-4,9)	Thới An	_Đơn đăng kí KHSDD số 29/ĐĐK-SG9-2024 ngày 10/7/2024; _Tờ trình số 20239/TTr-SXD-PTĐT ngày 26/12/20117 của Sở xây dựng về đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận chủ đầu tư; _VB công nhận chủ đầu tư số 1443/UBND-ĐT ngày 10/4/2018 của UBND thành phố.

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)		Địa điểm khu đất		Căn cứ pháp lý (QĐ giao vốn hoặc VB thuận chủ trương đầu tư)
			Dự án	Thu hồi	Số Thửa, tờ	Phường, xã, thị trấn	
1	2	3	4	5	6	7	8
23	Xây dựng Cầu vượt qua rạch Bến Cát và tuyến đường dự phòng	Công ty TNHH MTV đầu tư Gia Cư	0.81	0.39	Thửa 206,207,209,210,211,214 tờ số 65, phường Thạnh Xuân Thửa 12 tờ số 28, phường Thới An	Thạnh Xuân, Thới An	_Đơn đăng kí số 167/2024/CV-GC ngày 9 tháng 8 năm 2024 _VB 2786/UBND-DA của UBND TP ngày 25/6/2018 về chấp thuận cho doanh nghiệp đầu tư
24	Nhà ở xã hội Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần đầu tư Phú Cường	1.1		Thửa 413 tờ số 51 và thửa 304, 305 tờ số 57	Đông Hưng Thuận	_Công văn số 9956/UBND-DT ngày 28/12/2016 của UBND Quận 12 về việc thỏa thuận quy hoạch tổng mặt bằng-phương án kiến trúc công trình tỷ lệ 1/500 dự án khu nhà ở cán bộ chiến sỹ công an thành phố tại phường Đông Hưng Thuận, Quận 12. _Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 28/07/2017 của UBND thành phố về công nhận chủ đầu tư và chấp thuận đầu tư dự án khu nhà ở Cán bộ, chiến sỹ Công an thành phố Hồ Chí Minh tại 20/2 Nguyễn Văn Qúa, P.Đông Hưng Thuận, _Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, 2022. _Công văn số 1325/BCA-H02 ngày 09/04/2025 của Bộ Công An về việc lấy ý kiến với phương án sắp xếp lại, xử lý đối với cơ sở nhà, đất của Bộ Công an tại số 20/2 Nguyễn Văn Qúa, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. _Công văn số 1410/BCA-H02 ngày 17/04/2025 của Bộ Công An về việc đẩy nhanh tiến độ thủ tục để khởi công một số dự án nhà ở lực lượng vũ trang cho Công an nhân dân trong năm 2025. _Công văn số 3062/UBND-KT ngày 03/05/2025 của UBND Thành phố về phương án xử lý đối với 02 khu đất số 20/2 Nguyễn Văn Qúa, P.Đông Hưng Thuận, Quận 12 và số 7/39 ấp Cây Dầu, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức. _Công văn số 39/CV/PC/2025 ngày 18/4/2025 của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phú Cường về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất đối với dự án NOXH khu nhà ở CBCS Công an TP.HCM tại 20/2 Nguyễn Văn Qúa, P.Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM.

BIỂU 17/CH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+...	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		5,273.93	875.34	255.95	543.66	421.82	180.57	261.87	389.83	583.99	971.08	518.74	271.08
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1,078.46	173.69	18.91	78.99	80.26	9.60	23.21	49.40	93.24	437.83	109.02	4.33
	Trong đó:													
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1,061.14	171.11	18.91	66.24	79.36	9.60	23.21	48.80	93.24	437.75	109.02	3.91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	17.32	2.59	-	12.74	0.90	-	-	0.59	-	0.08	-	0.42

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4,195.47	701.65	237.04	464.68	341.56	170.97	238.66	340.43	490.75	533.25	409.73	266.75
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2,407.14	417.01	132.12	268.11	178.63	107.87	157.84	174.32	310.96	349.09	215.93	95.27
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17.02	0.64	2.32	1.26	1.84	0.36	1.74	1.26	0.99	1.14	4.32	1.16
2.4	Đất quốc phòng	CQP	111.01	-	-	18.57	7.64	3.28	-	-	-	-	-	81.52
2.5	Đất an ninh	CAN	5.48	0.49	1.04	-	-	-	2.69	0.27	-	-	0.26	0.73
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	226.09	5.38	32.13	16.98	85.31	3.40	5.49	9.38	15.29	6.51	14.95	31.27
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	36.23	2.62	27.68	0.92	0.88	0.03	1.18	-	0.41	0.50	-	2.01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1.34	-	-	-	-	-	-	-	-	1.34	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3.77	0.10	-	0.78	1.79	0.54	0.03	0.16	0.15	0.12	0.09	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	99.83	2.66	4.45	9.73	32.86	2.83	4.27	8.14	8.87	4.06	14.55	7.40
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	7.91	-	-	5.07	-	-	-	-	2.36	0.26	0.21	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	66.83	-	-	-	43.88	-	-	1.08	-	-	-	21.86
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	10.19	-	-	0.47	5.89	-	-	-	3.50	0.24	0.09	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	328.23	57.56	15.90	77.29	7.83	2.23	14.59	84.72	8.16	5.34	38.94	15.66
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	28.00	-	-	28.00	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	27.24	1.09	0.76	3.43	1.38	0.55	5.03	1.89	3.07	-	0.92	9.13
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	272.99	56.47	15.14	45.86	6.45	1.68	9.56	82.83	5.09	5.34	38.03	6.53
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	860.42	116.96	51.05	74.10	53.97	50.49	48.63	58.98	105.87	152.13	108.28	39.97
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	641.31	78.97	41.88	67.43	49.45	43.65	39.16	56.92	66.35	87.71	72.19	37.60
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	151.25	31.93	7.08	5.28	1.37	0.00	3.86	0.04	34.59	60.12	7.33	-0.36
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	6.19	2.36	-	-	-	-	-	-	0.07	3.44	0.32	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	26.70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	26.00	0.70
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0.06	-	-	-	-	-	-	0.06	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0.43	0.30	-	-	-	-	-	-	-	0.13	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	5.97	0.08	-	-	0.17	-	5.31	0.07	0.29	0.01	0.02	0.02
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0.09	-	-	-	0.01	-	-	-	0.08	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3.70	-	0.17	0.28	0.95	0.91	-	0.08	0.85	0.39	0.07	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	24.72	3.33	1.91	1.12	2.01	5.92	0.30	1.81	3.64	0.33	2.33	2.02
2.9	Đất tôn giáo	TON	15.70	2.21	0.86	1.97	0.32	1.25	1.21	3.03	2.16	1.30	1.16	0.23
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	5.98	0.75	0.30	0.02	0.77	0.28	0.57	0.49	0.59	1.78	0.15	0.28
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	31.26	0.06	1.30	6.39	5.27	1.60	5.90	3.90	0.44	1.05	4.67	0.66
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	185.87	100.59	0.02	-0.03	-	-	-	4.08	46.29	14.91	20.01	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	185.87	100.59	0.02	-0.03	-	-	-	4.08	46.29	14.91	20.01	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1.27	-	-	-	-	0.22	-	-	-	-	1.05	-
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó													
	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

BIỂU 19/CH
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CỦA QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	20.06	3.65	-	1.07	-	-	-	2.36	1.51	0.79	10.67	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	20.06	3.65	-	1.07	-	-	-	2.36	1.51	0.79	10.67	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.55					-	-					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
				0.26	-	0.61	-			-	0.78	0.28	2.43	0.20
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	4.55	0.26	-	0.61	-	-	-	-	0.78	0.28	2.43	0.20
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất	DRA	-					-	-					-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
	thái			-	-	-	-			-	-	-	-	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

BIỂU 20/CH
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thạnh Lộc	Thạnh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	53.78	5.37	0.10	1.07	1.84	-	-	2.36	3.31	0.79	38.94	-
	<i>Trong đó:</i>													
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	52.09	5.37	0.10	1.07	0.15	-	-	2.36	3.31	0.79	38.94	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1.69	-	-	-	1.69	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>													
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hằng năm khác</i>	<i>LUA/HNK</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất trồng lúa chuyển sang đất lâm nghiệp	LUA/LNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất trồng lúa chuyển sang đất chăn nuôi tập trung	LUA/CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/NNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		2.37	-	-	1.43	-	-	-	-	-	0.82	0.12	-
	Trong đó													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				An Phú Đông	Đông Hưng Thuận	Hiệp Thành	Tân Chánh Hiệp	Tân Hưng Thuận	Tân Thới Hiệp	Tân Thới Nhất	Thanh Lộc	Thanh Xuân	Thới An	Trung Mỹ Tây
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật Đất đai	MHT/PNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OCT	2.37	-	-	1.43	-	-	-	-	-	0.82	0.12	-
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

**Ghi chú:*

NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;

PNN là mã loại đất theo quy hoạch;

MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất.